



## SCVX - SILENT CHECK VALVE SCVX - VAN MỘT CHIỀU LÒ XO

### Mô Tả/Descriptions

**Van một chiều lò xo dùng để ngăn dòng chảy ngược, bảo vệ hệ thống đường ống và máy bơm. Ít gây tiếng ồn, cơ chế đóng nhẹ nhàng theo áp lực nước.**

Thiết kế dẫn dòng chảy tiên tiến giúp hạn chế tối đa tổn thất đầu nguồn. Bạc nhựa chịu lực dẫn hướng dễ dàng tháo lắp, ít chi tiết. Lò xo bằng thép không gỉ được bảo vệ bằng lõi dẫn hướng khi van hoạt động.

**Silent check valves is used as protection against reverse when power failure in areas where noise pollution or water hammering is a critical issue.**

Advanced dynamic design assures lower head loss. Spring made by stainless steel is protected by diffusers. Simple design, easy to install and replace parts.

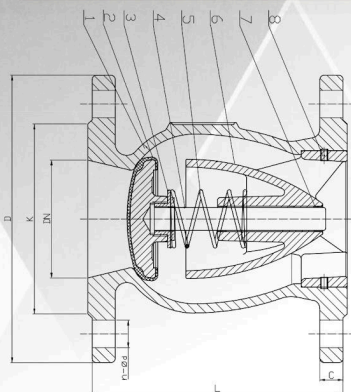
|                                                                                   |                                 |                                  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|
| Mã Sản Phẩm<br>Product Code                                                       | SCVX                            |                                  |
| Kích Thước<br>Size                                                                | DN50 - DN300                    |                                  |
| Tiêu Chuẩn Thiết Kế<br>Design Standard                                            | BS EN 1074-3                    |                                  |
| Tiêu Chuẩn Khoảng Cách 2 Mặt Bích<br>Face To Face Standard                        | BS EN 558-1 TABLE 1 SERIES 14   |                                  |
|                                                                                   | DIN 3202-1 SERIES F4            |                                  |
| Kiểu Kết Nối<br>Connection End                                                    | MẶT BÍCH<br>FLANGED             |                                  |
| Tiêu Chuẩn Kết Nối Và Áp Suất Làm Việc<br>Connection Standard And Pressure Rating | BS 4504<br>DIN 2632<br>DIN 2633 | PN10, PN16, PN25                 |
|                                                                                   | JIS B2220                       | 5K, 10K, 16K, 20K                |
|                                                                                   | ASME B16.42                     | 150LB                            |
| Sơn Phủ<br>Paint Coating                                                          | Loại Sơn Type                   | EPOXY RESIN POWDER               |
|                                                                                   | Tiêu Chuẩn Standard             | JIS K 5551:2002 (TCVN 9014:2011) |
|                                                                                   | Màu Sắc Colour                  | XANH - ĐỎ<br>BLUE - RED          |
|                                                                                   | Độ Dày Thickness                | 250~300µm                        |
| Nhiệt Độ Làm Việc<br>Working Temp                                                 | -10 ~ 80 °C                     |                                  |
| Môi Trường Làm Việc<br>Flow Media                                                 | Hệ Thống Nước / Water Systems   |                                  |





## SCVX - SILENT CHECK VALVE SCVX - VAN MỘT CHIỀU LÒ XO

### DETAIL DRAWING



### PARTS LIST & MATERIAL

| No | Part Name     | Material              | Material Code          |
|----|---------------|-----------------------|------------------------|
| 1  | Body          | Ductile Iron          | ASTM A536/EN GJS 500-7 |
| 2  | Disc          | Ductile Iron + Rubber | ASTM A536 + EPDM       |
| 3  | Bearing       | Stainless Steel       | AISI 304               |
| 4  | Shaft         | Stainless Steel       | AISI 304               |
| 5  | Spring        | Stainless Steel       | AISI 304               |
| 6  | Diffuser Core | Ductile Iron          | ASTM A536/EN GJS 500-7 |
| 7  | Plug          | Brass                 | ASTM B824              |
| 8  | Int Hex Bolt  | Stainless Steel       | AISI 304               |

### DIMENSION

Unit: mm

| DN  | Model/No. | L   | D   | K    |      |      | n-Ød   |        |        | C    |      |
|-----|-----------|-----|-----|------|------|------|--------|--------|--------|------|------|
|     |           |     |     | PN10 | PN16 | PN25 | PN10   | PN16   | PN25   | PN10 | PN25 |
| 50  | SCVX-0050 | 150 | 165 | 125  | 125  | 125  | 4-Ø19  | 4-Ø19  | 4-Ø19  | 19   | 19   |
| 65  | SCVX-0065 | 170 | 185 | 145  | 145  | 145  | 4-Ø19  | 4-Ø19  | 4-Ø19  | 19   | 19   |
| 80  | SCVX-0080 | 180 | 200 | 160  | 160  | 160  | 8-Ø19  | 8-Ø19  | 8-Ø19  | 19   | 19   |
| 100 | SCVX-0100 | 190 | 220 | 180  | 180  | 180  | 8-Ø19  | 8-Ø19  | 8-Ø23  | 19   | 19   |
| 125 | SCVX-0125 | 200 | 250 | 210  | 210  | 210  | 8-Ø19  | 8-Ø19  | 8-Ø28  | 19   | 19   |
| 150 | SCVX-0150 | 210 | 285 | 240  | 240  | 240  | 8-Ø23  | 8-Ø23  | 8-Ø28  | 19   | 20   |
| 200 | SCVX-0200 | 230 | 340 | 295  | 295  | 295  | 8-Ø23  | 12-Ø23 | 12-Ø28 | 20   | 22   |
| 250 | SCVX-0250 | 250 | 405 | 350  | 355  | 370  | 12-Ø23 | 12-Ø28 | 12-Ø31 | 22   | 24.5 |
| 300 | SCVX-0300 | 270 | 460 | 400  | 410  | 430  | 12-Ø23 | 12-Ø28 | 16-Ø31 | 24.5 | 27.5 |

### ORDER INFORMATION

#### SCVX - 0150 - 10 - D2B

Loại - Model:

SCV: Van Một Chiều Lò Xo  
Silent Check Valve

X: Flange

D2: Gang cầu - Ductile Iron  
B: Màu xanh - Blue  
R: Màu đỏ - Red

Mặt bích và áp lực:  
Flange & Pressure  
10: PN10; 20: PN20; 1K: JIS 10K  
16: PN16; A1: ANSI 150-LB

Valve Size:  
0150 : 150 mm  
0200 : 200 mm